

PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU

Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn theo các yêu cầu của:
Việt Nam, Nghị Định số 113/2017/ND-CP, Thông Tư số 32/2017/TT-BCT



Mã số CAS của hóa chất và tên sản phẩm

Số CAS Không có thông tin

Số UN hoặc số ID Không được quy định

EC No (Số thứ tự EU) Không có thông tin

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Không có thông tin

Nguy cơ sức khỏe Khả Năng Cháy Tính không bền Mối nguy hiểm đặc
0 1 0 biệt

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):

Không có thông tin

Ngày Ban Hành 01-Thg6-2023

Ngày Sửa Đổi 24-Thg2-2026

Số Hiệu Bản Sửa Đổi 1.3

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên thường gọi của hóa chất Không có thông tin

Tên thương mại I'm green bio-based™ Polyethylene – High Density

(Các) Mã Sản Phẩm SGE7252NS, SGF4950, SGF4950HS, SGM9450F, SHA7260, SHC7260, SHD0356, SHD0860, SHD0952, SHD1760, SHD2560, SHE150, STGE7252NS, STGF4950, STGM9450F, STHA7260, STHC7260, STHD0860, STHD2560, STHE150, SHD2055NW.

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ

Nhà cung cấp

Braskem S.A.
Rua Eteno, 1561, Polo Petroquímico de Camaçari
Camaçari, BA, CEP: 42810-000, Brazil
Tel: +55 (71) 3413-3601

Tên nhà sản xuất và địa chỉ

Nhà sản xuất

Không có thông tin

Mục đích sử dụng

Công dụng đề nghị

Các chế phẩm và hợp chất polymer
Công nghiệp
Chỉ dành cho sử dụng chuyên nghiệp

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:

Số điện thoại khẩn cấp

Chemtrec (Việt Nam): (+84)-444581938
CHEMTREC Quốc tế: +1 703-741-5970

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

1 GHS Phân loại

Không được phân loại

2 Cảnh báo nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

Không được phân loại

Các hiểm họa khác không dẫn đến phải phân loại

Có thể có hại nếu nuốt phải

Nguy cơ trơn trượt đặc biệt do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm
Điện tích tĩnh có thể hình thành trong quá trình xử lý

Nếu các hạt nhỏ được tạo ra trong quá trình sản xuất hoặc xử lý, sản phẩm này có thể hình thành nồng độ bụi dễ cháy trong không khí

3 Các đường tiếp xúc và triệu chứng

Tiếp xúc với mắt	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Bụi tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng cơ học.
Hít phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Hít phải bụi ở nồng độ cao có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiếp xúc với da	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Tiếp xúc với bụi có thể bị kích ứng cơ học hoặc khô da.
Ăn phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây kích ứng miệng, họng và dạ dày.
Triệu chứng	Bụi sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Chất

Không áp dụng.

Hỗn hợp

Không được phân loại

Sản phẩm không chứa chất nào được xem là nguy hiểm cho sức khỏe ở nồng độ đã cho của chúng

Tên hóa chất	Số CAS	% trọng lượng
1-Buten, polyme với eten	25087-34-7	<100

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

1 Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt

Rửa kỹ bằng nhiều nước, rửa cả dưới mí mắt. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.

2 Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Sau khi tiếp xúc với sản phẩm hoặc bụi: Rửa da bằng xà phòng và nước. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi. Sau khi tiếp xúc với sản phẩm nóng chảy, nhanh chóng làm nguội vùng da bằng nước lạnh. Lấy vật liệu nóng chảy đã bị đông đặc ra khỏi da cần phải có sự hỗ trợ của nhân viên y tế.

3 Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Đưa ra nơi thoáng khí. Cần y tế trợ giúp nếu có các triệu chứng rõ ràng là do hít phải.

4 Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

KHÔNG gây nôn. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì. Súc miệng sạch bằng nước và sau đó uống nhiều nước.

5 Bác sĩ cần lưu ý

Điều trị triệu chứng.

Triệu chứng

Bụi sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.

Tác Dụng của việc Tiếp Xúc

Không có thông tin.

Việc tự bảo vệ của nhân viên sơ cứu

Phải chắc chắn cho nhân viên y tế biết được (các) vật liệu có liên quan, sử dụng các biện pháp phòng ngừa để họ tự bảo vệ và ngăn ngừa lây nhiễm.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**1 Tính chất cháy**

Không áp dụng.

2 Sản phẩm cháy nguy hiểm

Các sản phẩm phân hủy phụ thuộc vào nhiệt độ, tiếp xúc với không khí và sự có mặt của các chất khác, Các sản phẩm phân hủy nhiệt tiềm năng bao gồm vết andehit (kể cả formaldehit), rượu, axit hữu cơ và hydrocarbon.

3 Các tác nhân gây cháy, nổ hoặc các hiểm họa đặc biệt khác

Tránh phát sinh bụi. Bột mịn phân tán trong không khí có thể sẽ bốc cháy. Các bột, bụi, phoi bào, phoi khoan, phoi tiện hoặc phoi cắt có thể nổ hoặc cháy với sức nổ rất mạnh.

4 Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**Chất Chữa Cháy Phù Hợp**

CO2, hóa chất khô, cát khô, bột chịu alcol. Xịt hoặc phun sương nước.

Chất chữa cháy không phù hợp

Không sử dụng dòng nước liên tục vì nó có thể gây phát tán và lây lan lửa.

5 Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Nhân viên chữa cháy nên sử dụng thiết bị thở độc lập và trang bị bảo hộ chữa cháy đầy đủ. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân.

6 Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ**Dữ liệu nổ**

Độ nhạy với va chạm cơ học Không có.

Độ nhạy với phóng tĩnh điện Không có.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**1 Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ****Tràn đổ nhỏ**

Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu. Thu gom và thải bỏ. Xem Mục 8 & 13 để biết thêm thông tin.

2 Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng**Các biện pháp đề phòng cá nhân**

Bảo đảm thông khí đầy đủ. Tránh phát sinh bụi. Không hít bụi. Tránh tiếp xúc với mắt. Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu. LOẠI BỎ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, không pháo sáng hoặc tia lửa hay ngọn lửa trong các khu vực kế cận). Có biện pháp phòng ngừa tích điện.

Các cảnh báo về môi trường

Xem Mục 12 để biết thêm thông tin về Sinh Thái.

Phương pháp ngăn chặn

Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn. Ngăn ngừa bụi.

Các phương pháp làm sạch

Thấm hút bằng vật liệu trơ, ẩm, không cháy sử dụng các dụng cụ làm sạch không gây ra tia lửa để thu gom và cho vào thùng nhựa đầy hờ nắp để thải bỏ sau này. Thu gom và

chuyển vào thùng đựng có dán nhãn thích hợp.

Phòng ngừa các nguy cơ thứ cấp Làm sạch cẩn thận những đồ vật và khu vực bị nhiễm, theo các quy định về môi trường.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Bảo đảm thông khí đầy đủ. Tránh phát sinh bụi. Không hít bụi. Sản phẩm này là chất dẫn điện kém và có thể bị tích tĩnh điện. Khi lượng điện tích đủ lớn, có thể gây bốc cháy các hỗn hợp dễ cháy. Để giảm nguy cơ phóng tĩnh điện, cần thực hiện thủ tục nối điện và tiếp đất đúng kỹ thuật. Bụi trong không khí có thể sẽ dễ nổ. Tránh đong lại nhiều vật liệu, nhất là trên các bề mặt ngang vì nó có thể bay vào không khí tạo thành các đám bụi có thể cháy và có thể góp phần gây nổ thứ cấp. Các công việc thao tác và xử lý phải tuân theo 'phương pháp thực hành tốt nhất' (ví dụ như NFPA-654).

2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Bảo quản ở nơi khô, mát tránh xa các nguồn nhiệt có thể gặp, ngọn lửa trần, ánh nắng hoặc các hóa chất khác.

Các vật liệu không tương thích Các chất oxy hóa mạnh.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

1 Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

Hướng dẫn về tiếp xúc

Sản phẩm này, như khi được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào có các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp do các cơ quan quy định riêng của khu vực thiết lập.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp sinh học

Sản phẩm này, như khi được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào có các giới hạn sinh học do các cơ quan quy định riêng của khu vực thiết lập

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Phòng tắm

Điểm rửa mắt

các hệ thống thông gió.

2 Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Phương tiện bảo vệ mắt/mặt

Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ). Trong khi xử lý nóng: Kính bảo hộ an toàn kín khít. Nếu có nguy cơ bị tiếp xúc: Kính che mặt.

Bảo vệ da và cơ thể

Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp. Trong khi xử lý nóng: Quần dài và áo dài tay. Giày hoặc ủng bảo hộ.

Phương tiện bảo vệ tay

Nên đeo găng tay chịu nhiệt khi thao tác với các vật liệu nóng chảy.

Phương tiện bảo vệ đường hô hấp

Không cần sử dụng trang bị bảo hộ trong điều kiện sử dụng bình thường. Nếu vượt quá các giới hạn tiếp xúc hoặc bị kích ứng, có thể cần phải thông khí và sơ tán. Lọc lọc phải phù hợp với nồng độ tối đa các chất gây ô nhiễm (khí/hơi/sol khí/ hạt) có thể phát sinh khi xử lý sản phẩm. Tham khảo với chuyên gia vệ sinh công nghiệp để xác định thiết bị bảo vệ đường hô hấp thích hợp cho mục đích sử dụng cụ thể của bạn đối với vật liệu này. Phải tuân thủ quy trình bảo vệ hô hấp phù hợp với tất cả các quy định hiện hành mỗi khi điều kiện nơi làm việc yêu cầu sử dụng mặt nạ phòng độc.

3 Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Nên sử dụng thêm trang bị bảo hộ như bộ quần áo, ủng và kính che mặt chống hóa chất tùy theo công việc được thực hiện.

4 Các Biện Pháp Vệ Sinh

Xem xét về vệ sinh tổng thể

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Không hít bụi. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại. Nên thường xuyên làm sạch thiết bị, khu vực và quần áo.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất**Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất**

Ngoại quan	Viên
Trạng thái vật lý	Rắn
Màu	Trắng đến trắng ngà
Mùi	Không có thông tin
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin

Tính chất**pH****Điểm chảy / điểm đông****Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu****Điểm chớp cháy****Tốc độ bay hơi****Khả Năng Cháy****Giới Hạn Cháy trong Không Khí****Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ trên****Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ dưới****Áp suất hơi****Tỷ khối hơi tương đối****Tỷ trọng tương đối****Độ tan trong nước****Độ tan trong các dung môi khác****Hệ số phân tách****Nhiệt độ tự bốc cháy****Nhiệt độ phân hủy****Độ nhớt động học****Độ nhớt động lực học****Giá trị**

Không tan trong nước

350 °C / 662 °F

0.940 – 0.970 g/cm³**Nhận Xét • Phương pháp**

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Không có dữ liệu

Thông tin khác**Tính chất nổ****Tính chất oxy hóa****Điểm hóa mềm****Trọng lượng phân tử****Nồng độ Chất Hữu Cơ Bay Hơi****Tỷ Trọng Chất Lỏng****Khối Lượng Riêng Thể Xốp**

Không có thông tin.

Không có thông tin.

Không có thông tin

Không có thông tin

Không có thông tin

Không có thông tin

PHẦN 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất**1 Độ bền**

Bền trong các điều kiện thông thường.

2 Khả năng hoạt động của hóa chất

Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại

Các sản phẩm phân hủy phụ thuộc vào nhiệt độ, tiếp xúc với không khí và sự có mặt của các chất khác, Quá trình xử lý có thể giải phóng khói khó chịu, hợp chất olefinic và parafin, cacbon monoxit và cacbon dioxit, Các sản phẩm phân hủy nhiệt tiềm năng bao gồm vết andehit (kể cả formaldehit), rượu, axit hữu cơ và hydrocarbon.

Khả năng gây ra các phản ứng nguy hại

Phản ứng mạnh với flo.

Các vật liệu không tương thích

Các chất oxy hóa mạnh.

Các tình trạng cần tránh

Nhiệt độ cao. Tạo thành bụi.

Polyme hóa gây nguy hiểm

Không có trong điều kiện xử lý bình thường.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp**

Hít phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Hít phải bụi ở nồng độ cao có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiếp xúc với mắt	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Bụi tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng cơ học.
Tiếp xúc với da	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Tiếp xúc với bụi có thể bị kích ứng cơ học hoặc khô da.
Ăn phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây kích ứng miệng, họng và dạ dày.

Các triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học, và độc

Triệu chứng Bụi sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.

Độc tính cấp tính**Các số đo độc tính**

Những giá trị sau đây được tính toán theo chương 3.1 của tài liệu GHS:

ATEmix (qua miệng) >4000 mg/kg

Thông Tin Về Thành Phần

Tên hóa chất	LD50 (liều bán tử) qua miệng	LD50 (liều bán tử) qua da	LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp
1-Buten, polyme với eten	= 4 g/kg (Rat)	-	-

1 Các ảnh hưởng mãn tính với người

Ăn mòn/kích ứng da	Không có thông tin.
Tổn thương nghiêm trọng mắt/ kích ứng mắt	Không có thông tin.
Nhạy hô hấp hoặc da	Không có thông tin.
Đột biến tế bào mầm	Không có thông tin.
Khả năng gây ung thư	Không có thông tin.
Độc tính sinh sản	Không có thông tin.
STOT - tiếp xúc một lần	Không có thông tin.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Không có thông tin.

2 Các ảnh hưởng độc khác

Nguy hại hô hấp

Không có thông tin.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

1 Độc tính với sinh vật

Tác động môi trường của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

2 Tác động môi trường

Độ bền vững và độ phân hủy

Không có thông tin.

Tích lũy sinh học

Không có thông tin.

Tính di động trong đất

Không có thông tin.

Khả năng di chuyển

Không có thông tin.

Các tác động có hại khác

Không có thông tin.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ

1 Yêu cầu trong việc thải bỏ

Chú thích về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

2 Xếp loại nguy hiểm của chất thải

Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về ngưỡng chất thải nguy hại

Không áp dụng.

3 Các biện pháp xử lý chất thải

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Thải bỏ theo quy định của địa phương. Thải bỏ chất thải theo luật môi trường.

4 Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

Bao bì đã bị nhiễm

Không sử dụng lại thùng đựng đã rỗng hết.

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

IMDG

Không được quy định

IATA

Không được quy định

ADR

Không được quy định

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật**1 Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới**

Liên hệ nhà cung cấp để biết thông tin về tình trạng tuân thủ danh mục

2 Phân loại nguy hiểm theo quốc gia

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Không có thông tin

Nguy cơ sức khỏe

0

Khả Năng Cháy

1

Tính không bền

0

Mối nguy hiểm đặc biệt

-

Nghị Định Thư Montreal về các chất Tiêu Hủy tầng Ozone Không áp dụng

Hiệp Ước Stockholm về Chất Ô Nhiễm Hữu Cơ Bền Không áp dụng

Hiệp Ước Rotterdam Không áp dụng

3 Đạt quy chuẩn kỹ thuậtCác quy định được áp dụng:

Không tìm thấy thông tin nào có thể áp dụng

PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn

Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Ngày Ban Hành 01-Thg6-2023**Ngày Sửa Đổi** 24-Thg2-2026**Chú Thích về Sửa Đổi** Phóng Thích Lần Đầu.**Giải thích hoặc chú thích các từ viết tắt sử dụng trong bản thông tin an toàn**

IMDG	Quy Định Quốc Tế về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Hóa Gây Nguy Hiểm (IMDG)
IATA	Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế (IATA)
ADR	Hiệp Ước Châu Âu về Vận Chuyển Quốc Tế Hàng Nguy Hiểm theo Đường Bộ
NFPA	Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia (NFPA), Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ

Chú giải PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

TWA	TWA (mức trung bình theo thời gian)	STEL	STEL (Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn)
Trần	Giá trị giới hạn tối đa	*	Xếp loại da

Tài liệu tham khảo và nguồn dữ liệu chính dùng để biên soạn Phiếu An Toàn Hóa Chất

Cơ Sở Dữ Liệu ChemView của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ

Cơ Quan An Toàn Thực Phẩm Châu Âu (EFSA)

EPA (Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường)

(Các) Mức Tiếp Xúc Cấp Tính theo Hướng Dẫn (AEGL)

Đạo Luật của Liên Bang về Thuốc Trừ Sâu, Thuốc Diệt Nấm, và Thuốc Diệt Loài Gặm Nhấm của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ

Hóa Chất Có Khối Lượng Sản Xuất Lớn của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ

Tạp Chí Nghiên Cứu Thực Phẩm (Food Research Journal)

Cơ Sở Dữ Liệu Chất Nguy Hiểm

Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất (IUCLID)
Phân Loại GHS Của Nhật Bản
Chương Trình Quốc Gia về Đánh Giá và Khai Báo Hóa Chất Công Nghiệp của Úc (NICNAS)
NIOSH (Viện Quốc Gia về An Toàn Lao Động và Bệnh Nghề Nghiệp)
ChemID Plus của Viện Y Học Quốc Gia (NLM CIP)
Chương Trình Chất Độc Quốc Gia (NTP)
Cơ Sở Dữ Liệu về Phân Loại và Thông Tin Hóa Chất của New Zealand (CCID)
Các Ấn Phẩm về Môi Trường, Sức Khỏe, và An Toàn của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
Chương Trình Hóa Chất Có Khối Lượng Sản Xuất Lớn của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
Bộ Dữ Liệu Thông Tin Sàng Lọc (SIDS) của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
Tổ Chức Y Tế Thế Giới

Tuyên bố miễn trách

Thông tin cung cấp trong Phiếu An Toàn Hóa Chất này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp này chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn